TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **07**/2023/QĐST-DS	*Hà Tiên, ngày 21 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lưu Văn H** – sinh năm 1959

Địa chỉ: Khu phố 1 phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà **Trương Ngọc B**– sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 1, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 4, phường T, thành phố H, tỉnh K.

- Bà **Trương Ngọc T**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 1, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền: Ông Lưu Văn H đồng ý để bà Trương Ngọc B được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để nhận tiền bồi hoàn phần đất tranh chấp giữa ông Lưu Văn H và bà Trương Ngọc B tọa lạc tại tổ 6, khu phố 1, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Sau khi nhận tiền xong ông Lưu Văn H yêu

cầu bà Trương Ngọc B giao cho ông Lưu Văn H số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Bà Trương Ngọc B thống nhất với yêu cầu trên.

- Cách thực hiện: Hai bên thỏa thuận sau khi bà Trương Ngọc B nhận được tiền bồi hoàn đất từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì bà Trương Ngọc B giao cho ông Lưu Văn H số tiền 25.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 625.000đ mỗi bên nộp ½ theo đó bà Trương Ngọc B nộp 312.500đ, ông Lưu Văn H nộp 312.500đ nhưng ông Lưu Văn H tự nguyện nộp hết. Tuy nhiên ông Lưu Văn H là người cao tuổi theo quy định tại đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội và có đơn xin miễn án phí nên được miễn phần án phí của ông Lưu Văn H. Đối với phần án phí của bà Trương Ngọc B ông Lưu Văn H phải nộp là 312.500đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát Tp. Hà Tiên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Đăng